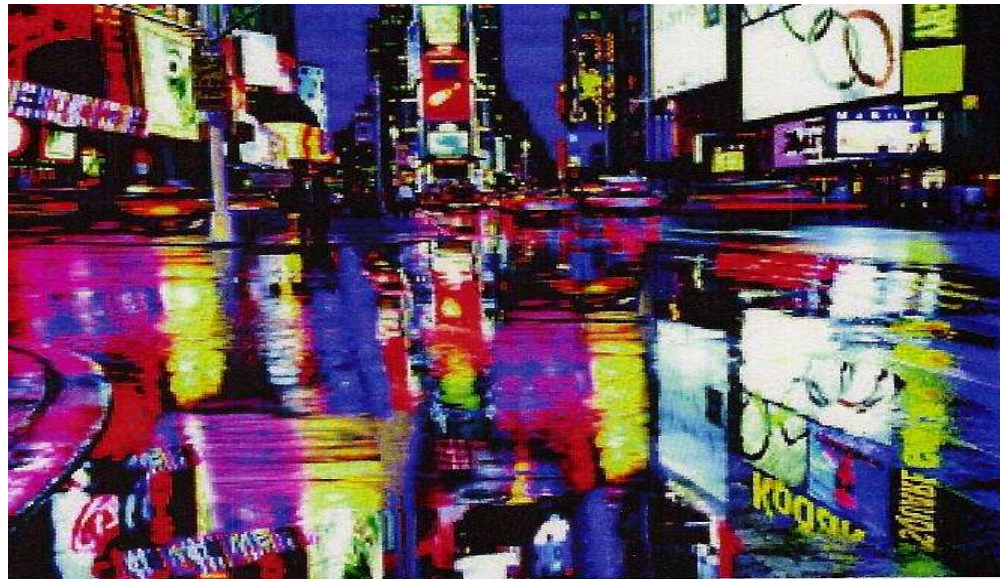


Bài 2

LÝ THUYẾT VỀ SỰ LỰA CHỌN CỦA NGƯỜI TIÊU DÙNG



TS. Lê Văn Chiến – COE-VNU

I. Lý thuyết cơ bản về hành vi của người tiêu dùng

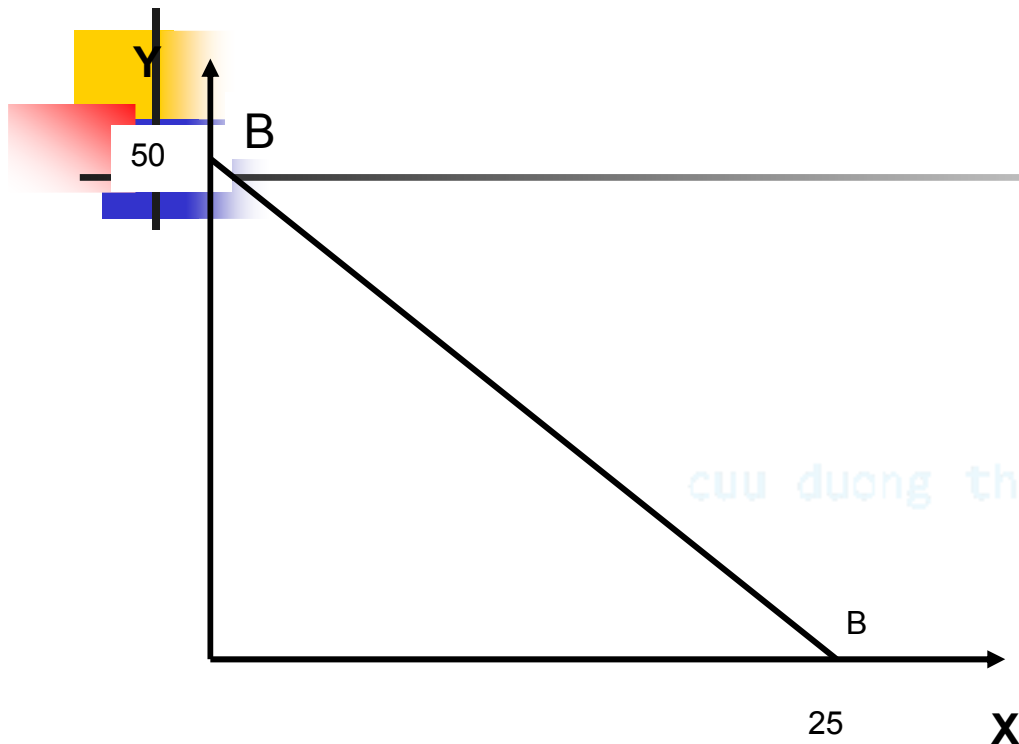
4 yếu tố mô tả người tiêu dùng và điều kiện thị trường

- Thu nhập của người tiêu dùng
- Giá cả hàng hóa
- Sở thích của người tiêu dùng, người tiêu dùng có thể xếp hạng rõ hàng hóa theo mức độ thỏa dụng.
- Người tiêu dùng có thể lựa chọn rõ hàng hóa nhằm tối đa hóa độ thỏa dụng.

Bài toán lựa chọn của người tiêu dùng (3 bộ phận)

- Đối tượng của sự lựa chọn
- Ràng buộc của sự lựa chọn
- Quá trình lựa chọn trong các phương án khác nhau (sở thích, thị hiếu của người tiêu dùng)

1.1. Đối tượng của sự lựa chọn của người tiêu dùng.



- Đối tượng lựa chọn của người TD là các HH & DV.
- Trong một thời gian cụ thể
- Chỉ có 2 HH X & Y.

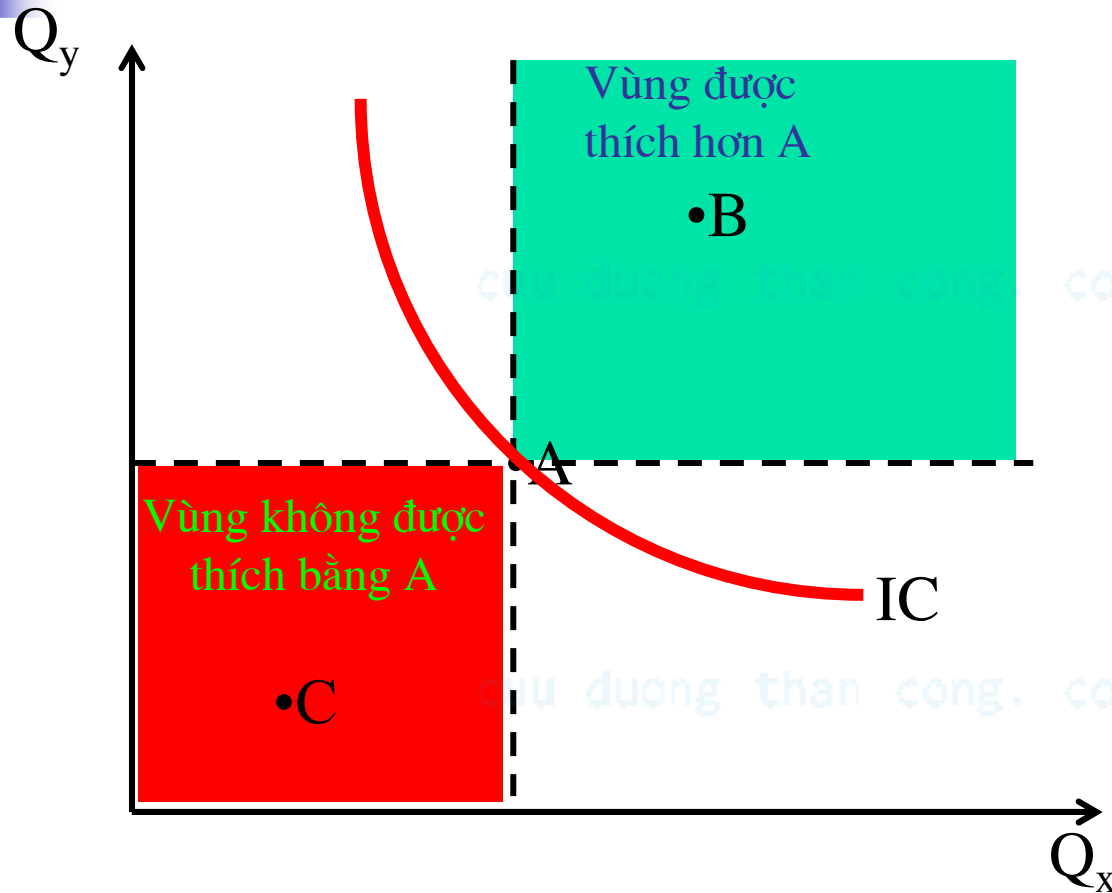
Đối tượng lựa chọn của người TD là các giỏ HH. Mỗi giỏ HH được biểu thị bằng một điểm trong hình trên.

2. *Sở thích của người tiêu dùng*

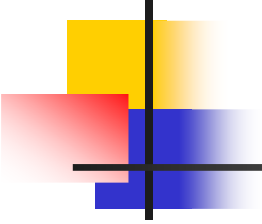
2.1 *Giả định*

- Sở thích hoàn chỉnh (complete): Người TD có thể SS và xếp hạng tất cả các giỏ HH (không nhất thiết phải lượng hóa lợi ích)
- Giỏ HH đơn giản là tập hợp của một hoặc nhiều HH.
- Sở thích nhất quán (cố tính bắc cầu-Transitive): **Nếu $A > B; B > C$ thì $A > C$**
- Người tiêu dùng thích nhiều hơn ít
- Sở thích của người TD thể hiện một tỷ lệ thay thế cận biên giảm dần.

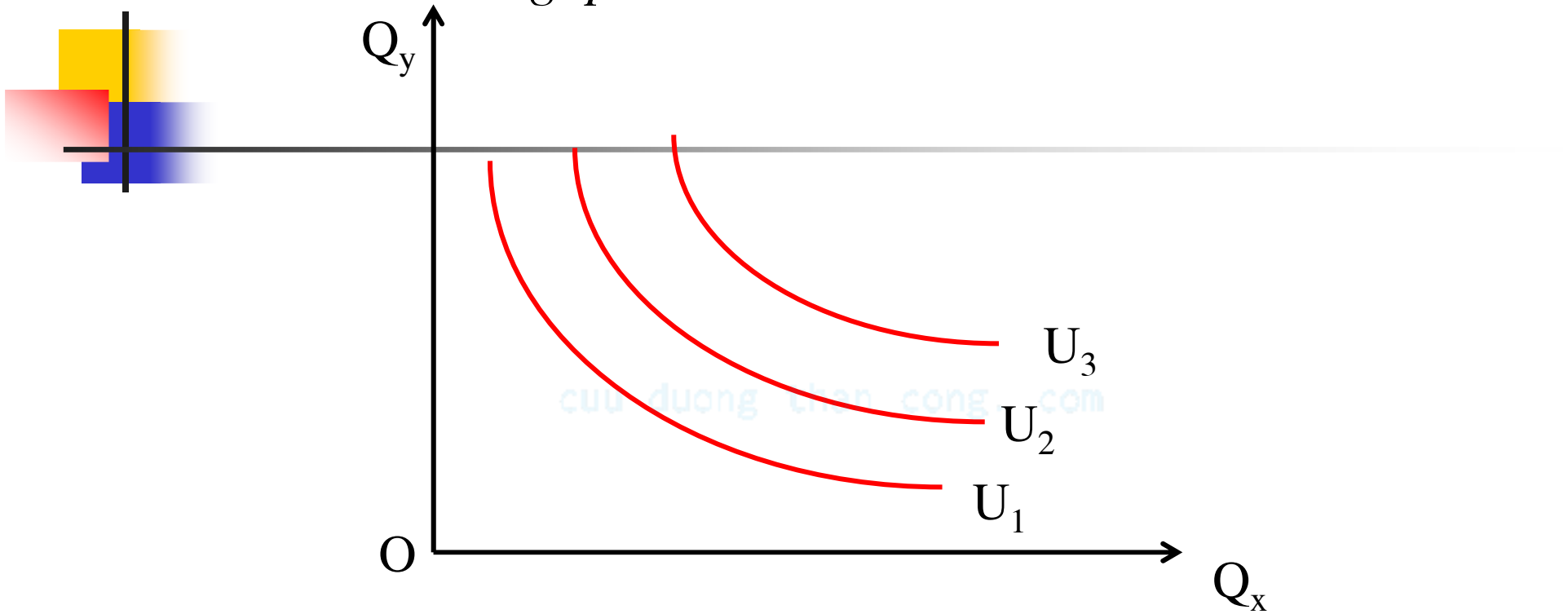
2.2. Đường bàng quan (IC)



- Đường bàng quan là tập hợp tất cả các giỏ hàng hóa mang lại cùng một mức độ thỏa dụng cho người tiêu dùng

- 
-
- Lợi ích (độ thỏa dụng là sự hài lòng, sự thoả mãn mà con người có được từ tiêu dùng của họ.
 - Lợi ích là khái niệm trừu tượng và phụ thuộc vào mức độ cảm nhận của mỗi người tiêu dùng riêng biệt.

Bản đồ bàng quan

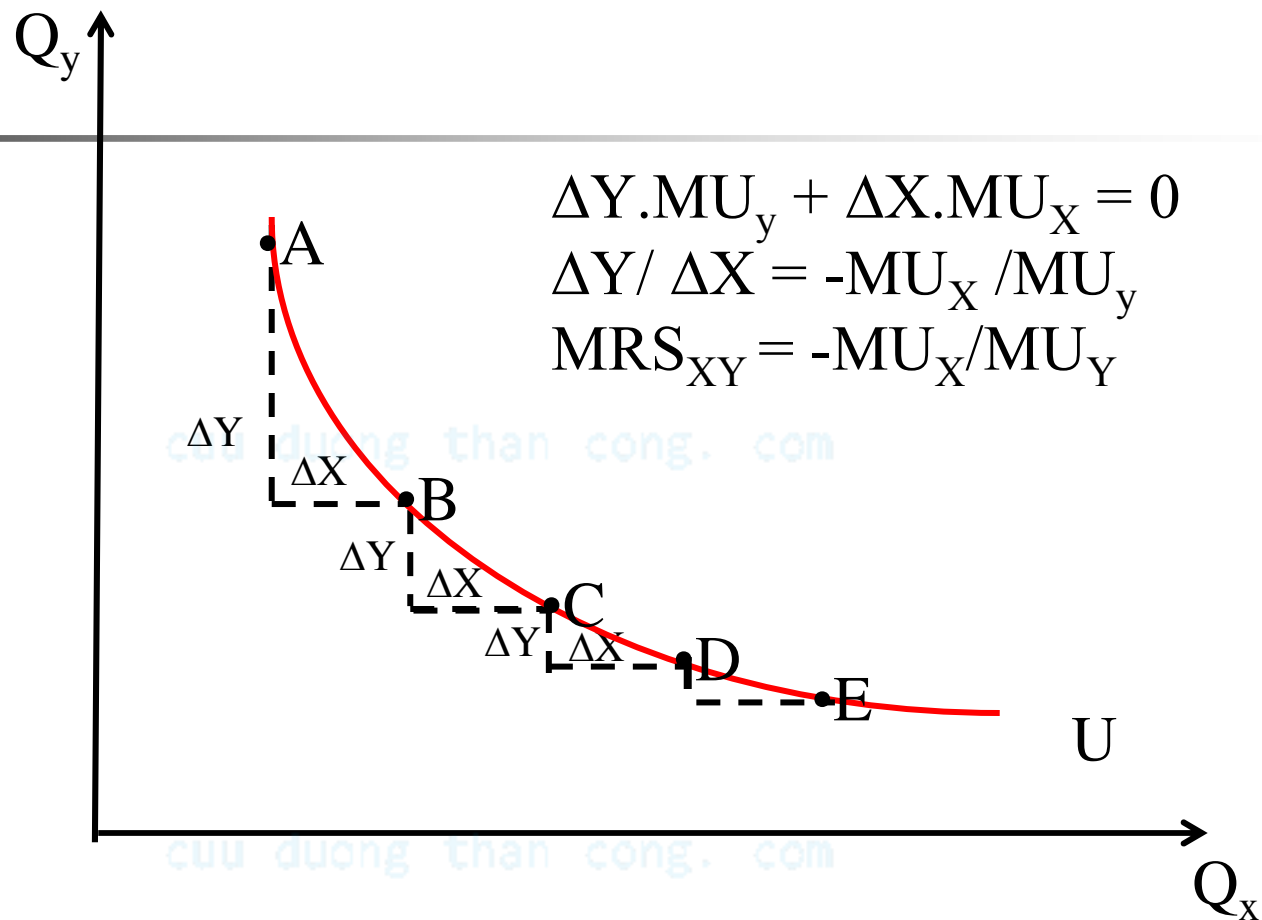




2.3. Tính chất đường bàng quan

- Dọc mỗi đường bàng quan UU, lợi ích TD là không đổi (ĐN)
- Đường bàng quan là đường dốc xuống vì người TD thích nhiều hơn ít (GD. 3).
- Đường bàng quan ngày càng trở nên phẳng hơn khi ta di chuyển theo đường bàng quan sang phía phải. (GD. 4).
- Đường bàng quan phía ngoài mang lại độ thoả dụng cao hơn đường bàng quan phía trong vì nó mang lại nhiều hàng hoá hơn.
- Các đường bàng quan không cắt nhau

2.4. Tỷ lệ thay thế cận biên



Mô tả hai người tiêu dùng có sở thích khác nhau

Quần áo

A

U3

U2

U1

Thực phẩm

Quần áo

B

U3

U2

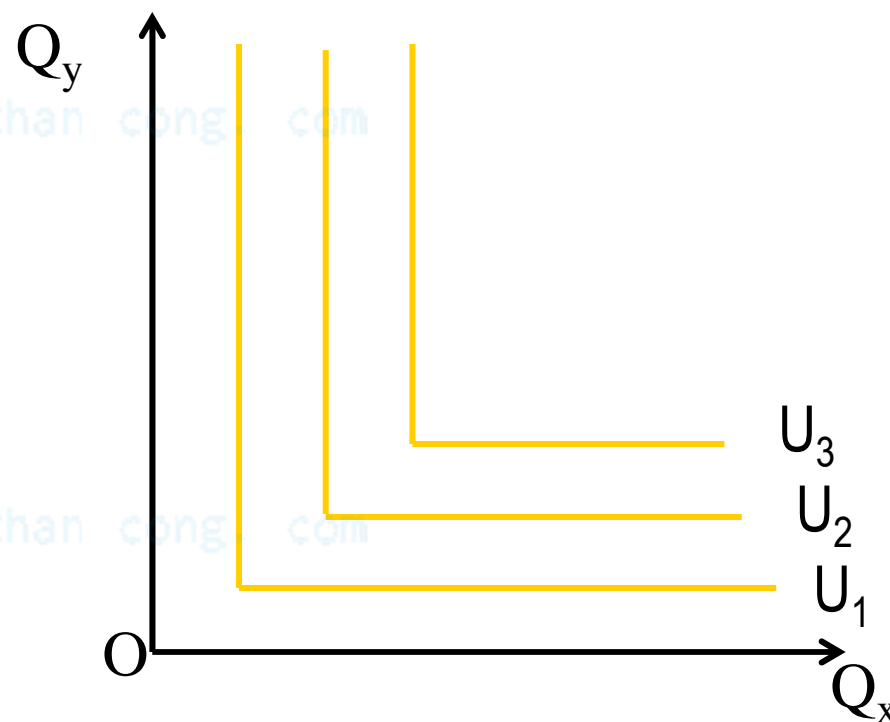
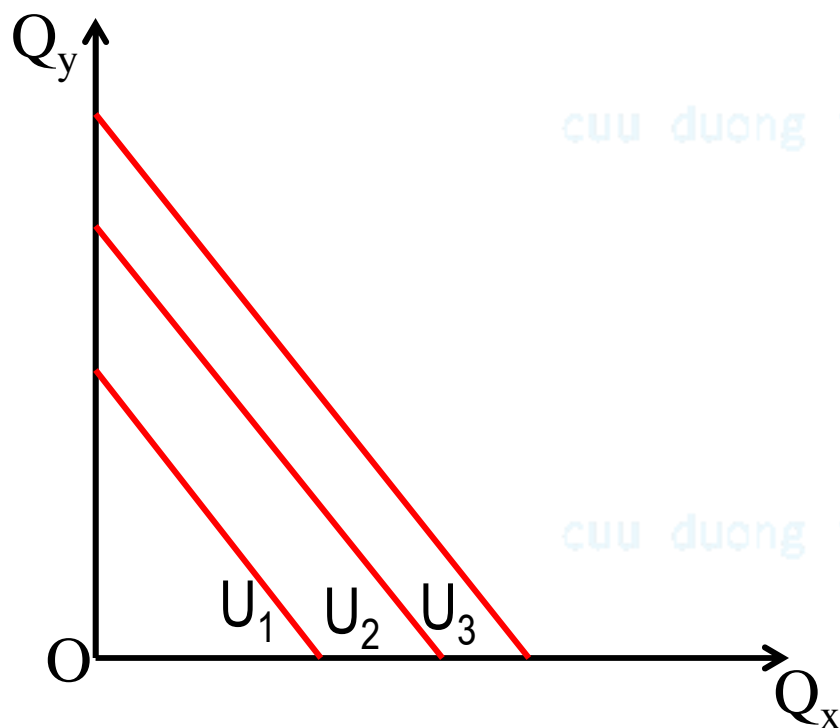
U1

Thực phẩm

Hai trường hợp đặc biệt

Hai hàng hoá thay thế hoàn hảo

Hai hàng hoá bổ sung hoàn hảo



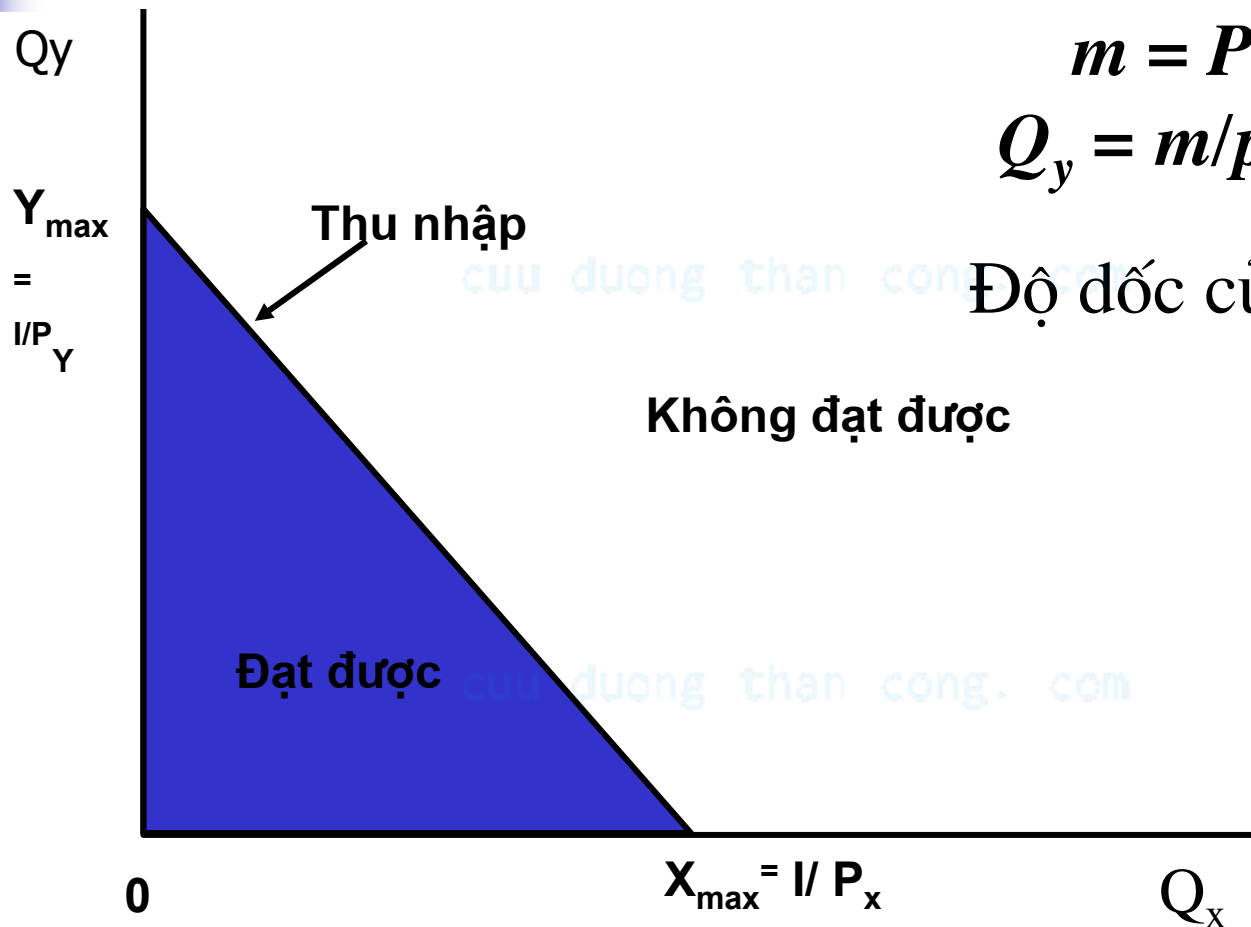
3. Ràng buộc ngân sách

Phương trình đường ngân sách (BL)

$$m = P_x Q_x + P_y Q_y$$

$$Q_y = m/p_y - (P_x/P_y)Q_x$$

Độ dốc của BL = $-P_x/P_y$



- Độ dốc của đường ngân sách cho chúng ta biết người tiêu dùng A phải hy sinh bao nhiêu đơn vị quần áo để có thêm một đơn vị thực phẩm.

Độ dốc của đường ngân sách chỉ phụ thuộc vào giá cả tương đối (hay tỉ số giá cả) giữa hai hàng hóa.

$$\text{Độ dốc của đường NS} = -\frac{P_H}{P_V}$$

P_H là giá của hàng hóa trên trục hoành

P_V là giá của hàng hóa trên trục tung

Như vậy:

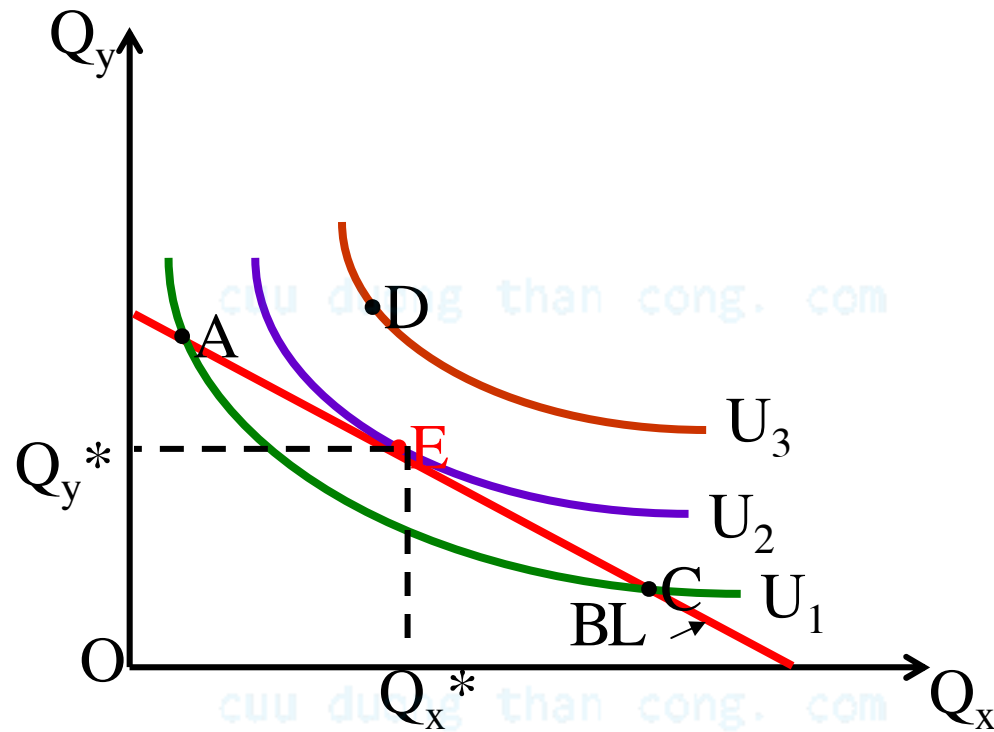
- **Độ dốc của đường NS là một số âm của tỷ giá giữa 2 HH. Có sự đánh đổi.**
- **Độ dốc của đường NS phản ánh giá cả tương đối giữa hai HH.**
- **Hai đầu của của đường NS cho ta biết người tiêu dùng A có thể mua bao nhiêu hàng hóa này với điều kiện không mua HH kia.**
- **Thu nhập tăng lên đường NS dịch chuyển ra phía ngoài**



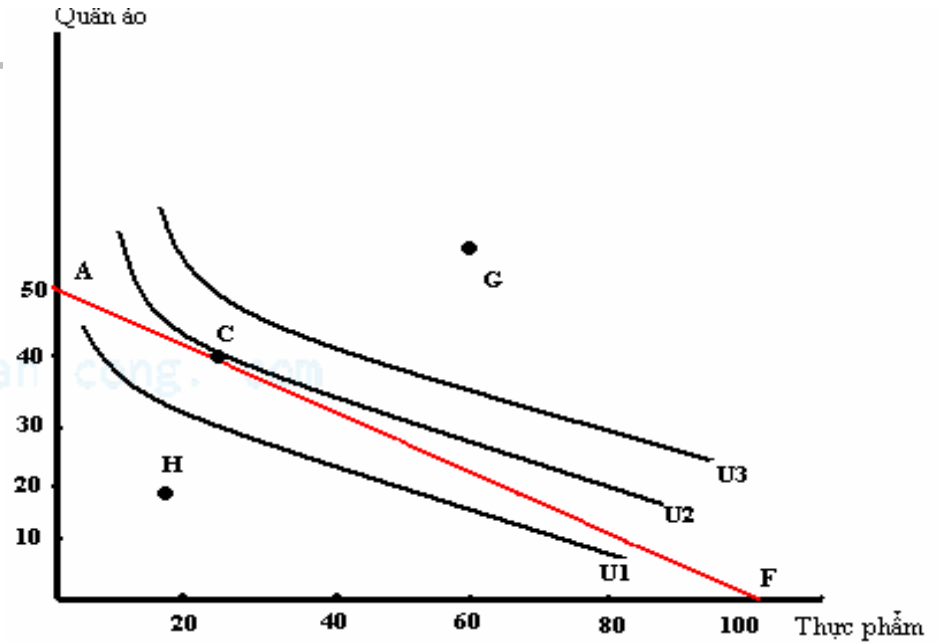
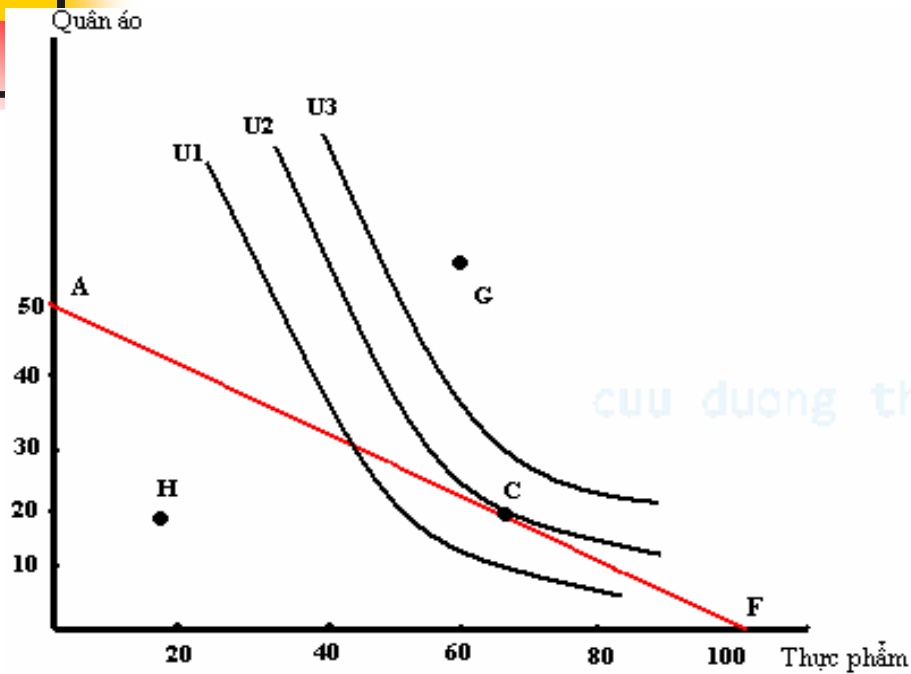
Thay đổi giá hàng hoá và độ dốc đường ngân sách

- Nếu hàng hoá Y tương đối đắt hơn hàng hoá X thì đường ngân sách sẽ thoải hơn (P_x giảm, P_y tăng).
- Nếu hàng hoá Y tương đối rẻ hơn hàng hoá X thì đường ngân sách sẽ dốc hơn (P_x tăng, P_y giảm).

4. Nghiệm của bài toán lựa chọn




Lựa chọn của 2 người TD có cùng ràng buộc NS



1.5. Xử lý bằng đại số bài toán lựa chọn

Tỷ lệ thay thế cận biên


$$M \geq p_X X + p_Y Y$$

Hàm lợi ích của người tiêu dùng là:

$$U = u(X, Y)$$

Trong đó:

- M : **TN bằng tiền của người TD**
- X, Y : **Các hàng hóa**
- P_X, P_Y : **Giá của hàng hóa X và Y.**

Đạo hàm riêng của U thì $\partial U / \partial X$ và $\partial U / \partial Y$ là lợi ích cận biên của X và Y.

Đường bàng quan biểu thị các kết hợp X và Y đem lại lợi ích không đổi nên nếu lấy vi phân toàn phần U, ta có:

$$dU = \frac{\partial U}{\partial X} dX + \frac{\partial U}{\partial Y} dY$$

Thì lợi ích không đổi khi $dU=0$, hay

$$\frac{\partial U}{\partial X} dX + \frac{\partial U}{\partial Y} dY = 0 \quad - \frac{dY}{dX} = \frac{\partial U / \partial X}{\partial U / \partial Y}$$

Lựa chọn của người TD để tối đa hóa U với ràng buộc NS.


$$U = u(X, Y) \quad (1)$$

$$M - p_X X - p_Y Y = 0 \quad (2)$$

SD PP nhân tử Lagrange:

$$V = u(X, Y) + \lambda(M - p_X X - p_Y Y)$$

Trong đó λ là nhân tử Lagrange. Các ĐK bậc nhất để V cực đại là

$$\frac{\partial V}{\partial X} = \frac{\partial U}{\partial X} - \lambda p_X = 0 \quad (3)$$

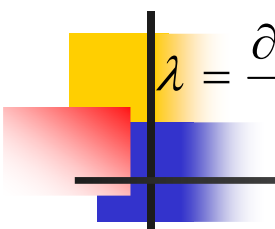
$$\frac{\partial V}{\partial Y} = \frac{\partial U}{\partial Y} - \lambda p_Y = 0 \quad (4)$$

$$\frac{\partial V}{\partial \lambda} = M - p_X X - p_Y Y = 0 \quad (5)$$

Chia phương trình (3) cho (4), ta có

$$\frac{\partial U / \partial X}{\partial U / \partial Y} = \frac{p_X}{p_Y}$$

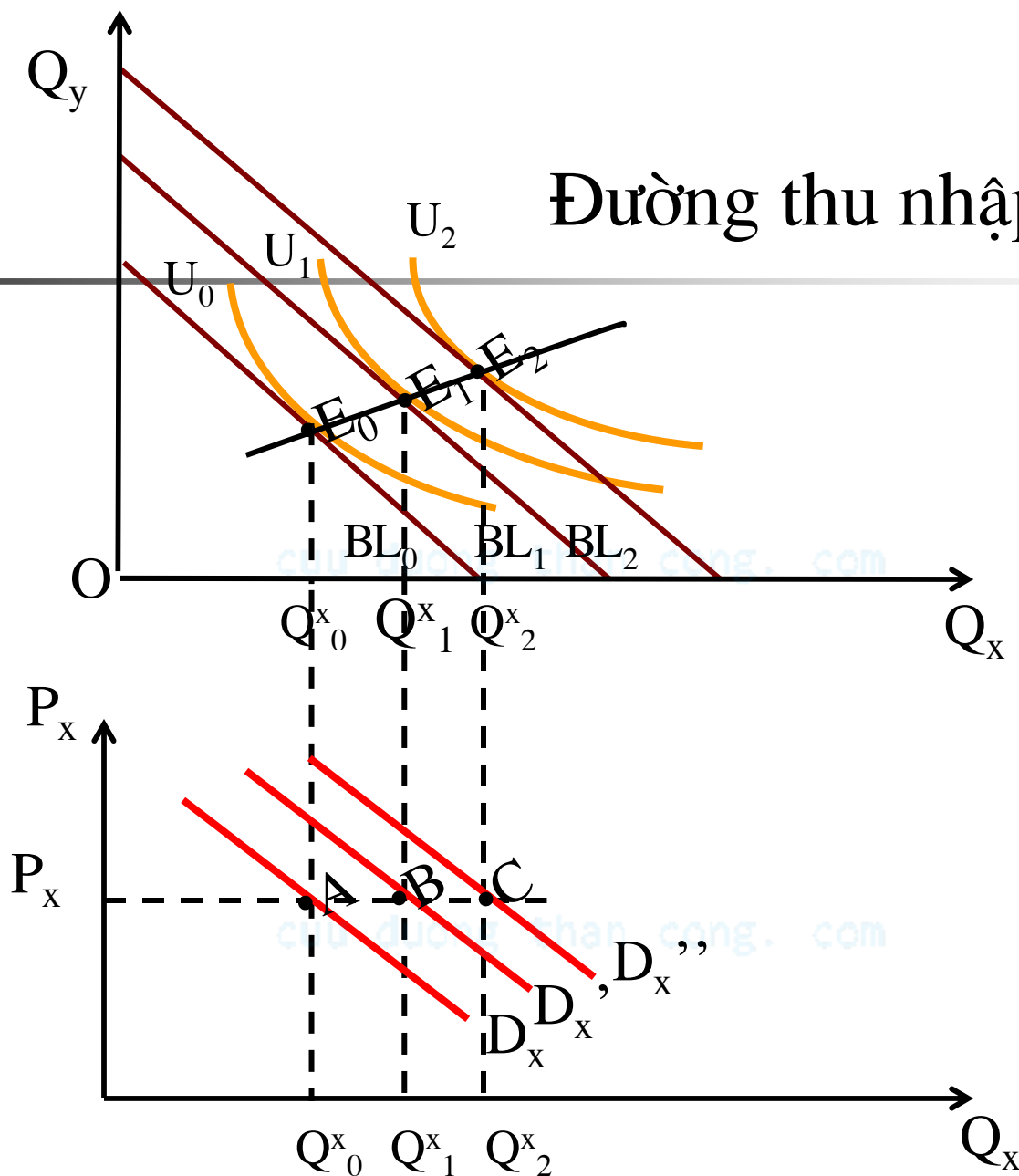
- Từ (3) và (4) ta được


$$\lambda = \frac{\partial U / \partial X}{p_X} = \frac{\partial U / \partial Y}{p_Y}$$

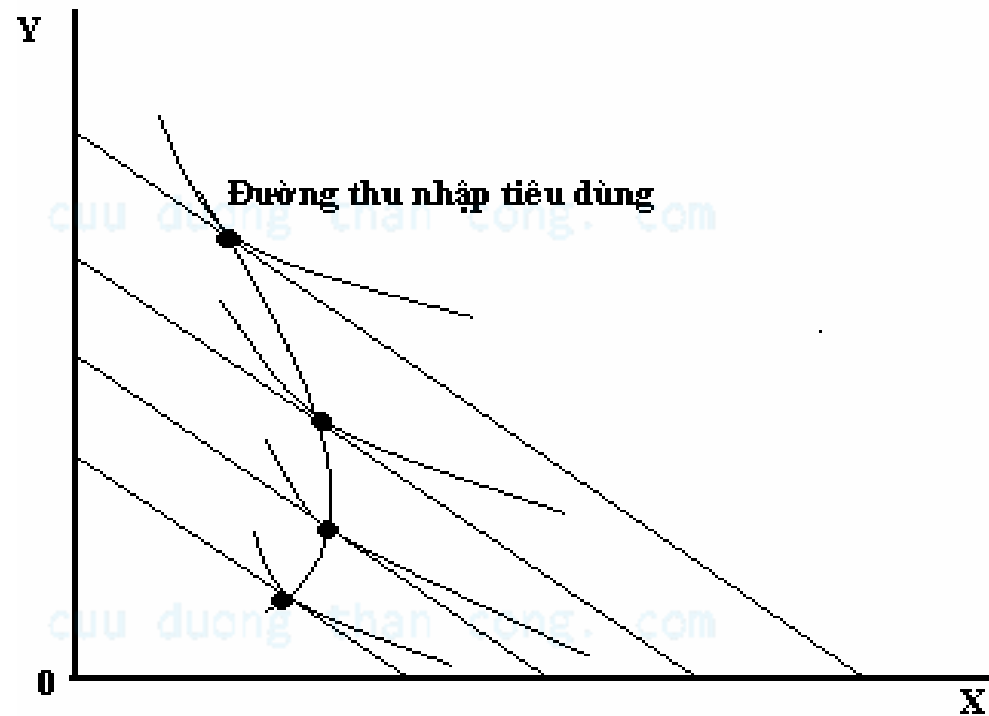
Như vậy nhân tử Lagrange ở đây cho thấy lợi ích thay đổi thế nào khi chi tiêu vào hàng hóa X hoặc Y tăng lên. Vì thế nó đo lợi ích cận biên của thu nhập bằng tiền.

Đường thu nhập tiêu dùng

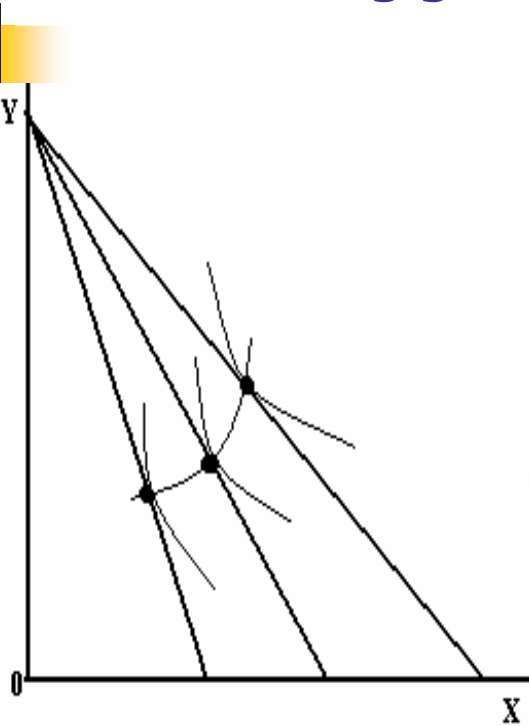
Xét nhiều mức TN khác nhau kết hợp với một bản đồ bàng quan cụ thể, nối các điểm tiếp xúc với nhau ta được đường thu nhập tiêu dùng



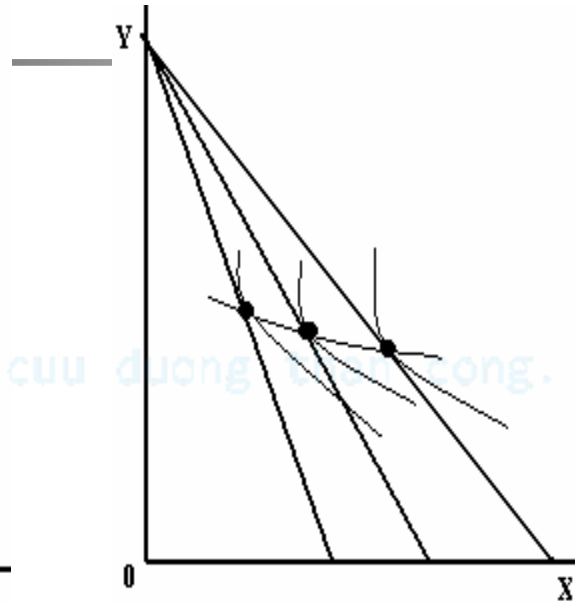
Đường thu nhập tiêu dùng (hàng thông thường-hàng thứ cấp)



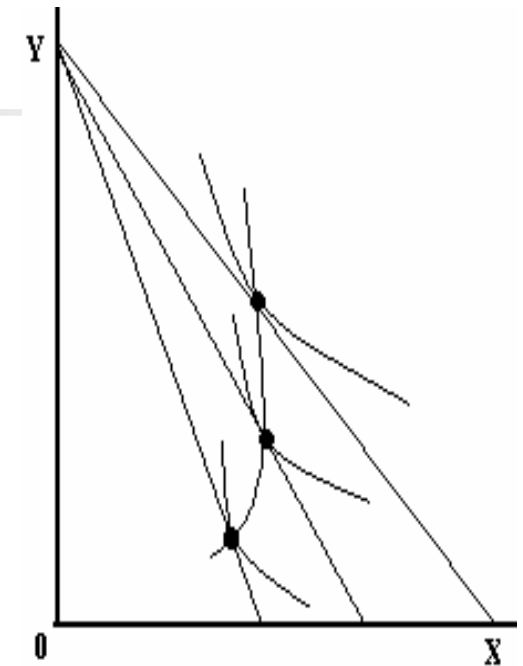
1.7. Đường giá tiêu dùng



X & Y bổ sung

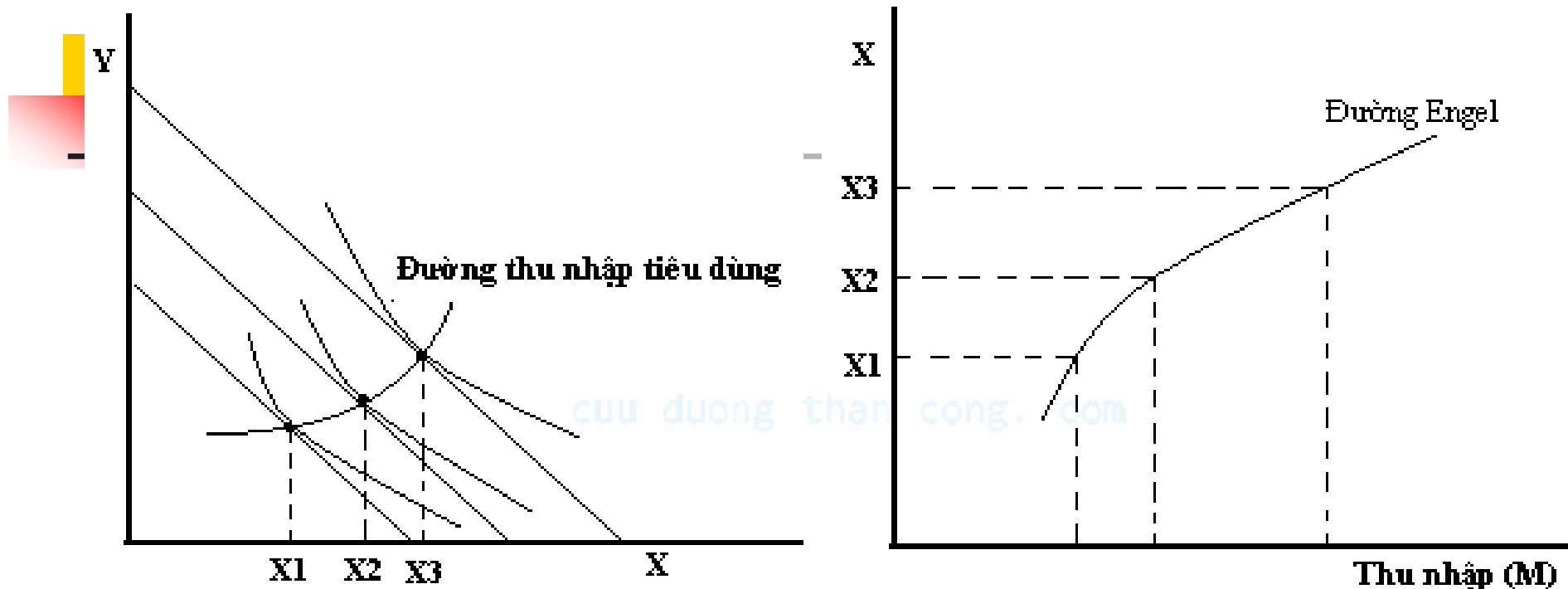


X & Y thay thế



X là hàng giffen

1.8. Đường Engel



Đường Engel cho biết mqh giữa thu nhập của người TD và SL HH X được mua

Độ dốc = khuynh hướng TD cận biên.

-Khuynh hướng TD trung bình.

- Độ co giãn của cầu theo TN = tỉ số KHTDCB/KHTDTB

$$e_M = \frac{\partial X / \partial M}{X / M} = \frac{\partial X}{X} \bigg/ \frac{\partial M}{M}$$